

CHƯƠNG 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

- Sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế mà ở đó, những người sản xuất ra sản phẩm nhằm mục đích trao đổi, mua bán trên thị trường
- Điều kiện ra đời của nền sản xuất hàng hoá là phân công lao động xã hội và các hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất
- Phân công lao động xã hội là sự phân chia lao động trong xã hội thành các ngành, các lĩnh vực sản xuất khác nhau.
- Sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất có nghĩa là những người sản xuất độc lập với nhau, có sự tách biệt về lợi ích.
- Lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hoá quyết định giá trị của hàng hóa
- Quy luật giá trị có tác dụng: Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá, kích thích cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất, phân hoá người sản xuất thành những người giàu, người nghèo
- Giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hoá
- Nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của đơn vị hàng hóa là năng suất lao động và mức độ phức tạp của lao động
- Thước đo giá trị của hàng hóa là thời gian lao động xã hội cần thiết
- Lao động trừu tượng tạo ra: Giá trị của hàng hoá
- Lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hoá quyết định giá trị của hàng hóa
- Giá trị của hàng hoá là một phạm trù lịch sử
- Lượng giá trị của một đơn vị hàng hoá tỷ lệ nghịch với năng suất lao động, không phụ thuộc vào cường độ lao động
- Lao động cụ thể là phạm trù vĩnh viễn
- Giá trị cá biệt của hàng hoá do hao phí lao động cá biệt của người sản xuất quyết định
- Trong cùng một thời gian lao động, lao động phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn lao động giản đơn; lao động phức tạp là lao động giản đơn nhân bội lên
- Tính chất của ngành sản xuất không ảnh hưởng đến năng suất lao động
- Sản xuất và lưu thông hàng hoá chịu sự chi phối của quy luật kinh tế cơ bản là quy luật giá trị
- Các hình thái giá trị?
- Hình thái thứ 3 của sự phát triển các hình thái giá trị là hình thái chung của giá trị

- Bản chất tiền tệ là là hàng hoá đặc biệt, làm vật ngang giá cho các hàng hoá khác
- Giá trị sử dụng là công dụng của vật có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người, giá trị sử dụng là tính hữu ích của vật, giá trị sử dụng là thuộc tính tự nhiên của vật
- Lao động trừu tượng ?
- Lao động cụ thể?
- Hàng hóa có 2 thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng vì lao động sản xuất hàng hóa có tính 2 mặt: lao động cụ thể và lao động trừu tượng.
- Lao động giản đơn là lao động không cần trải qua đào tạo cũng có thể làm được
- Giá cả hàng hóa không chịu ảnh hưởng bởi giá trị sử dụng của hàng hóa
- giá trị của hàng hóa do lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hoá
- Sản xuất tự cấp tự túc là sản xuất mà sản phẩm làm ra để phục vụ nhu cầu cá nhân và gia đình của người sản xuất.
- Sản xuất hàng hoá là sản xuất mà sản phẩm làm ra để phục vụ nhu cầu của thị trường
- Hàng hóa có 2 thuộc tính?
- Lao động cụ thể tạo ra: giá trị sử dụng của hàng hoá
- Khi giá cả > giá trị thì Cung sản xuất < Cầu tiêu dùng
- Dựa vào nội dung của quy luật giá trị giá trị là cái trực để giá cả hàng hóa xoay quanh
- 5 Chức năng của tiền tệ
- Sự giống nhau giữa tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động là số lượng hàng hoá sản xuất ra trong một đơn vị thời gian tăng lên
- Thời gian của người sản xuất hàng hóa nếu tính trong điều kiện trung bình của xã hội thì gọi là thời gian lao động xã hội cần thiết
- Xét lao động cụ thể là xét: Người đó làm nghề gì, làm như thế nào và làm ra cái gì.
- Lao động trừu tượng?
- Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư do công nhân tạo ra bị nhà tư bản chiếm đoạt.

CHƯƠNG 3: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

- Công thức chung của tư bản: $T - H - T'$
- Tư bản vận động trong nền sản xuất hàng hóa giản đơn theo công thức $H - T - H$
- Nguồn gốc của giá trị thặng dư được tạo ra bởi một loại hàng hóa đặc biệt đó là sức lao động

- Sức lao động chỉ trở thành hàng hóa khi người lao động được tự do về thân thể và bị tước đoạt hết tư liệu sản xuất (không có điều kiện làm việc).
- 2 thuộc tính của hàng hóa sức lao động? (gtsd hh slđ?; gthhslđ?)
- Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá là: Thời gian cần thiết để sản xuất ra 1 hàng hoá trong điều kiện trung bình của xã hội
- Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động có tính năng đặc biệt mà không hàng hóa thông thường nào có được đó là nó có thể tạo ra lượng giá trị lớn hơn với giá trị của chính nó khi sử dụng
- Giá trị thặng dư (m)?
- thời gian lao động thặng dư?
- Tư bản bất biến (c): (tồn tại dưới hình thức tư liệu sản xuất) máy móc thiết bị nhà xưởng nguyên nhiên vật liệu
- Tư bản khả biến (v): sức lao động
- Tư bản cố định (c1): máy móc thiết bị, nhà xưởng
- Tư bản lưu động: (c2+v): nguyên nhiên vật liệu, sức lao động
- Tỷ suất giá trị thặng dư được ký hiệu là m'
- Giá trị thặng dư thu được nhờ kéo dài ngày lao động của công nhân là phương pháp sản xuất: Giá trị thặng dư tuyệt đối
- Giá trị thặng dư thu được bằng cách giảm bớt thời gian lao động cần thiết của công nhân là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối
- Giá trị thặng dư thu được do áp dụng công nghệ mới làm cho giá trị cá biệt của hàng hoá thấp hơn giá trị thị trường của nó là phương pháp sản xuất: Giá trị thặng dư siêu ngạch
- Tỷ suất giá trị thặng dư cho biết trình độ bóc lột của nhà tư bản đối với công nhân
- Quy mô bóc lột của tư bản được thể hiện bởi khối lượng giá trị thặng dư
- Công thức nào sau đây biểu diễn cấu tạo hữu cơ của tư bản: c/v
- Tích tụ tư bản là sự tăng thêm quy mô của tư bản cá biệt bằng cách tư bản hoá giá trị thặng dư trong 1 xí nghiệp nào đó, là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản.
- Tập trung tư bản là sự tăng thêm quy mô của tư bản cá biệt bằng cách hợp nhất những tư bản cá biệt có sẵn trong xã hội thành một tư bản cá biệt khác lớn hơn.
- Tích lũy tư bản là sự chuyển hóa một phần giá trị thặng dư thành tư bản gọi

- Tích tụ tư bản làm tăng quy mô tư bản cá biệt đồng thời làm tăng quy mô tư bản xã hội
- Tư bản cố định là bộ phận tư bản mà giá trị của nó chuyển dần từng phần vào sản phẩm trong nhiều chu kỳ sản xuất
- Tư bản lưu động là bộ phận tư bản mà giá trị của nó chuyển nhanh vào sản phẩm
- Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa: $k = c + v$
- Khi cung nhỏ hơn cầu thì lợi nhuận lớn hơn giá trị thặng dư
- Nguồn gốc của lợi nhuận thương nghiệp là một phần giá trị thặng dư do công nhân làm thuê tạo ra
- Khi cạnh tranh gay gắt thì giá trị hàng hoá đã chuyển thành giá cả sản xuất và lúc này giá cả hàng hoá xoay quanh giá cả sản xuất
- Địa tô là phần giá trị thặng dư còn lại sau khi đã khấu trừ đi phần lợi nhuận bình quân mà các nhà tư bản kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp phải trả cho địa chủ.
- Theo C.Mác, có các hình thức địa tô như: i) Địa tô chênh lệch. Trong đó, địa tô chênh lệch I là địa tô mà địa chủ thu được do chỗ cho thuê ruộng đất tốt và độ màu mỡ cao, điều kiện tự nhiên thuận lợi. Địa tô chênh lệch II là địa tô mà địa chủ thu được do chỗ cho thuê mảnh đất đã được đầu tư, thâm canh và làm tăng độ màu mỡ của đất. ii) Địa tô tuyệt đối, là địa tô mà địa chủ thu được trên mảnh đất cho thuê, không kể độ màu mỡ tự nhiên thuận lợi hay do thâm canh. Đó là phần lợi nhuận siêu ngạch dôi ra ngoài lợi nhuận bình quân được tính bằng số chênh lệch giữa giá trị nông sản và giá cả sản xuất chung của nông sản.
- Địa tô chênh lệch gắn với độc quyền kinh doanh ruộng đất
- Giá trị thặng dư được quan niệm là con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước mang hình thái chuyển hóa là lợi nhuận
- Khi giá cả thấp hơn giá trị rất nhiều là đặc điểm của tư bản cho vay

CHƯƠNG 4: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

- Tổ chức độc quyền là tổ chức liên minh những nhà tư bản lớn, tập trung trong tay việc sản xuất và tiêu thụ một loại hàng hóa nào đó, nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao
- Hình thức tổ chức độc quyền thống nhất trong việc sản xuất và lưu thông dưới sự quản lý của hội đồng quản trị là: Syndicate
- Hình thức tổ chức độc quyền phát triển cao nhất là Consortium
- Tư bản tài chính là quá trình xâm nhập liên kết độc quyền ngân hàng với độc quyền công nghiệp

- Xuất khẩu tư bản trực tiếp là: Xây mới hoặc mua lại xí nghiệp ở nước nhập khẩu tư bản
- Thứ tự phát triển của các tổ chức độc quyền: Cartel – Syndicate - Trust – Consortium
- 2 hình thức xuất khẩu tư bản: ODA và FDI
- FDI là từ viết tắt của Đầu tư trực tiếp nước ngoài
- ODA là từ viết tắt của đầu tư gián tiếp nước ngoài (hỗ trợ phát triển chính thức)
- Tư bản tài chính là sự kết hợp giữa tư bản độc quyền ngân hàng và tư bản độc quyền công nghiệp
- Chủ nghĩa tư bản độc quyền là sự phát triển cao của chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do
- Sự phát triển của tư bản tài chính dẫn đến một nhóm độc quyền chi phối toàn bộ đời sống kinh tế và chính trị của toàn xã hội tư bản gọi là Bọn đầu sỏ tài chính
- Xuất khẩu tư bản được thực hiện trong thời kỳ Chủ nghĩa tư bản độc quyền
- Độc quyền là sự liên minh giữa các doanh nghiệp lớn, có khả năng thôn tóm việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hóa, có khả năng định ra giá cả độc quyền, nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao
- Độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản là sự thống nhất của ba quá trình: tăng sức mạnh của các tổ chức độc quyền, tăng vai trò can thiệp của nhà nước vào kinh tế và quá trình gài kết hợp sức mạnh của độc quyền tư nhân với sức mạnh của nhà nước trong một cơ chế thống nhất.
- Độc quyền nhà nước là kiểu độc quyền trong đó nhà nước nắm giữ vị thế độc quyền trên cơ sở duy trì sức mạnh của các tổ chức độc quyền ở những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế nhằm tạo ra sức mạnh vật chất cho sự ổn định của chế độ chính trị - xã hội ứng với điều kiện phát triển nhất định trong các thời kỳ lịch sử
- Cartel là hình thức tổ chức độc quyền trong đó các xí nghiệp tư bản lớn ký các hiệp nghị thỏa thuận với nhau về giá cả, sản lượng hàng hóa, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán...
- Concern là tổ chức độc quyền đa ngành, thành phần của nó có hàng trăm xí nghiệp có quan hệ với những ngành khác nhau và được phân bố ở nhiều nước

CHƯƠNG 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM.

- Nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường, đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo là Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Mục tiêu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là Hướng tới phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế có Nhiều thành phần kinh tế
- Trong các thành phần kinh tế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thành phần Kinh tế nhà nước giữ trò chủ đạo
- Trong các thành phần kinh tế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thành phần kinh tế Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng
- Phân phối theo lao động và hiệu quả kinh tế, phân phối theo phúc lợi là những hình thức phân phối phản ánh định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường
- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thực hiện gắn tăng trưởng kinh tế với Công bằng xã hội; phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa - xã hội; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và từng giai đoạn phát triển của kinh tế thị trường.
- Thể chế là Những quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh các hoạt động của con người trong một chế độ xã hội
- Thể chế kinh tế Là Hệ thống quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế
- Lợi ích kinh tế là Lợi ích vật chất, lợi ích thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người
- Động lực trực tiếp của các chủ thể và hoạt động kinh tế - xã hội là Lợi ích kinh tế
- Cơ sở thúc đẩy sự phát triển các lợi ích khác là Lợi ích kinh tế
- Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là nền kinh tế bao gồm các đặc trưng vốn có của kinh tế thị trường nói chung, vừa có đặc trưng riêng của Việt Nam
- Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế hàng hoá phát triển ở trình độ cao.
- Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa luôn là động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhanh và có hiệu quả.
- Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN sẽ phá vỡ tính chất tự cấp, tự túc, lạc hậu của nền kinh tế
- Nhà nước Việt Nam quản lý nền kinh tế thị trường định hướng XHCN thông qua pháp luật, các chiến lược, kế hoạch, cơ chế...
- phải thực hiện hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN vì thể chế còn chưa đồng bộ, kém hiệu quả, hệ thống thể chế chưa đầy đủ

- Doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân là lực lượng nòng cốt trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam
- Doanh nghiệp và đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam
- APEC là?

CHƯƠNG 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

- Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất có nguồn gốc từ Anh
- Đặc trưng của cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là Thực hiện cơ giới hóa sản xuất bằng việc sử dụng năng lượng dựa vào sức nước và hơi nước
- Thuật ngữ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) xuất hiện lần đầu tiên Năm 2011 tại CHLB Đức
- Những đột phá của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ làm mất đi những lợi thế sản xuất truyền thống nào từ các nước đang phát triển là Nhân công rẻ, dồi dào hay nguồn tài nguyên phong phú
- Quá trình công nghiệp hoá của các nước tư bản cổ điển diễn ra trong khoảng từ 60 – 80 năm
- Mô hình công nghiệp hoá cổ điển gắn liền với Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất
- Vào những năm 1960, Việt Nam đã áp dụng Mô hình công nghiệp hoá kiểu Liên Xô (cũ)
- Thực hiện mô hình công nghiệp hoá kiểu Liên Xô (cũ) thường là ưu tiên phát triển ngành sản xuất Công nghiệp nặng
- Mô hình công nghiệp hoá cổ điển được thực hiện bắt đầu từ lĩnh vực sản xuất Công nghiệp nhẹ, mà trực tiếp là ngành công nghiệp dệt
- Nhiệm vụ CNH, HĐH có tầm quan trọng như thế nào trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam Là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH
- Để phát triển lực lượng sản xuất, từng bước xây dựng nền kinh tế có tính độc lập tự chủ cao, quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam đòi hỏi xây dựng và phát triển ngành Công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất
- Đối với những nước còn kém phát triển, nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình CNH, HĐH là Ứng dụng ngay những thành tựu khoa học, công nghệ mới hiện đại.
- Một trong những đặc trưng của Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới năm 1986 của Việt Nam là CNH theo mô hình kinh tế khép kín, hướng nội, thiên về công nghiệp nặng

- Đường lối công nghiệp hóa ở Việt Nam được hình thành từ Đại hội III (9/1960)
- Nền kinh tế trong đó sự sản sinh, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế(OECD)
- Một trong những đặc trưng của Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới năm 1986 của Việt Nam là CNH theo mô hình kinh tế khép kín, hướng nội, thiên về công nghiệp nặng
- Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế phải được coi là sự nghiệp của toàn dân
- Nhà nước là chủ thể quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam
- Doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân là lực lượng nòng cốt trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam
- Doanh nghiệp và đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam
- APEC là?
- Toàn cầu hoá diễn ra trên nhiều phương diện: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội v.v... trong đó, nổi trội nhất là trên phương diện Kinh tế
- ASEAN là tên viết tắt của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- AFTA là tên viết tắt của tổ chức Khu vực thương mại tự do ASEAN

BÀI TẬP

- Bài 1: Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 16 sản phẩm có tổng giá trị là 80 đô la.
Hỏi: giá trị tổng sản phẩm làm ra trong ngày và giá trị của 1 sản phẩm là bao nhiêu, nếu:
 - a. Năng suất lao động tăng lên 2 lần
 - b. Cường độ lao động tăng lên 1.5 lần.
- Bài 2: Trong quá trình sản xuất sản phẩm, hao mòn thiết bị và máy móc là 300.000 đô la. Chi phí nguyên liệu, vật liệu và nhiên liệu là 900.000 đô la. Hãy xác định chi phí tư bản khả biến nếu biết rằng giá trị của 1 sản phẩm là 3.000.000 đô la và trình độ bóc lột là 200%.
- Bài 3: Có 100 công nhân làm thuê, sản xuất 1 tháng được 12.500 đơn vị sản phẩm với chi phí tư bản bất biến là 250.000 đô la. Giá trị sức lao động 1 tháng của 1 công nhân là 250 đô la, $m' = 300\%$. Hãy xác định giá trị của 1 đơn vị sản phẩm và kết cấu của nó, khối lượng giá trị thặng dư nhà tư bản thu được?
- Bài 5: Tư bản đầu tư 900. 000 đô la, trong đó bỏ vào tư liệu sản xuất là 780.000 đô la. Số công nhân làm thuê thu hút vào sản xuất là 400 người. Hãy xác định khối lượng giá trị mới do 1 công nhân tạo ra, biết rằng tỷ suất giá trị thặng dư là 200%.
- Bài 6: Có 200 công nhân làm việc trong 1 nhà máy. Cứ 1 giờ lao động, 1 công nhân tạo ra lượng giá trị mới là 5 đô la, $m' = 300\%$. Giá trị sức lao động mỗi ngày của 1 công nhân là 10 đô la. Hãy xác định độ dài của ngày lao động.

- Bài 7: Ngày làm việc 8 giờ, $m' = 300\%$. Sau đó nhà tư bản kéo dài ngày lao động lên 10 giờ. Trình độ bóc lột sức lao động trong xí nghiệp thay đổi như thế nào nếu giá trị sức lao động không đổi. Nhà tư bản tăng thêm giá trị thặng dư bằng phương pháp nào.
- Bài tập 8: tư bản ướp trước là 500.000 \$. Trong đó bỏ vào nhà xưởng là 200.000 \$, máy móc thiết bị là 100.000 \$. Giá trị nguyên nhiên vật liệu và phụ liệu gấp 3 lần giá trị sức lao động. Hãy xác định tổng số : tư bản cố định, tư bản lưu động, tư bản bất biến, tư bản khả biến?
- Bài tập 9: Một nhà tư bản đầu tư: tư bản bất biến là 1800 USD tư bản khả biến là 200 USD, tỷ suất giá trị thặng dư là 200%. Tính tỷ suất lợi nhuận?
- Bài tập 10: Tư bản công nghiệp có quy mô tư bản đầu tư cho sản xuất là 150 triệu đô la, cấu tạo hữu cơ tư bản là 2/1 và tỷ suất giá trị thặng dư là 100%. Nếu không có tư bản thương nghiệp tham gia thì lợi nhuận của tư bản công nghiệp sẽ là bao nhiêu?
- Bài tập 11: Ngày làm việc 8 h, số công nhân làm thuê trong xí nghiệp là 5 người, tiền lương mỗi người là 3 đô la/ngày. Trình độ bóc lột là 300%. Tính khối lượng giá trị thặng dư ?
- Bài tập 12: Tổng giá cả hàng hóa ở trong lưu thông là 1140 tỷ đồng. Trong đó tổng giá cả hàng hóa bán chịu là 180 tỷ đồng, tổng số tiền thanh toán đã đến kỳ hạn là 500 tỷ đồng, số tiền khấu trừ cho nhau là 240 tỷ đồng, số lần luân chuyển trong năm của đơn vị tiền tệ là 20 vòng. Tính tổng số tiền cần thiết trong lưu thông?
- Bài tập 13: Trong quá trình sản xuất sản phẩm, hao mòn thiết bị và máy móc là 100 USD, chi phí nguyên liệu, vật liệu và nhiên liệu là 200 USD. Hãy xác định chi phí tư bản khả biến nếu biết rằng giá trị của một sản phẩm là 600 USD và trình độ bóc lột là 200%.
- Bài tập 14: Một nhà tư bản đầu tư: tư bản bất biến là 600 USD tư bản khả biến là 400 USD, tỷ suất giá trị thặng dư là 500%. Tính tỷ suất lợi nhuận?